

TÍN NGƯỠNG THỜ NỮ THẦN TẠI GIA CỦA NGƯỜI VIỆT Ở THỪA THIÊN HUẾ

Tóm tắt: Với lối tư duy phồn thực, xem trọng sự sinh, dưỡng, dục, người phụ nữ được nhìn nhận là cội nguồn của mọi sự sinh sôi, sự duy trì giống nòi và đóng vai trò là “nội tướng” gia đình. Từ kết quả của cuộc Nam tiến và sự cộng cư, giao lưu văn hóa giữa các dân tộc cũng như phù hợp với điều kiện sống tại vùng đất Huế, tín ngưỡng thờ nữ thần phát triển mạnh và mang đậm dấu ấn văn hóa của nhiều tộc người nơi đây. Từ các làng quê, chùa chiền, đền miếu, thậm chí trong các gia đình, ban thờ nữ thần đều xuất hiện và chiếm một vị trí quan trọng trong niềm tin của người Huế. Qua việc khảo sát các vị nữ thần được người dân Huế tôn thờ và phụng cúng, chúng tôi nhận thấy, tục thờ này chứa đựng nhiều giá trị và mang nét riêng của vùng Huế.

Từ khóa: Nữ thần; tại gia; tín ngưỡng; Thừa Thiên Huế.

Dẫn nhập

Huế vốn là thủ phủ ở Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn, là kinh đô của triều đại Tây Sơn và nhà Nguyễn, cũng là nơi diễn ra mạnh mẽ sự giao lưu văn hóa Việt, Hoa, Chăm với kết quả là xác lập một loại hình tín ngưỡng thờ nữ thần mang những màu sắc mới. Với lối sống thoáng mở và trên nền tảng văn hóa nông nghiệp, người Việt đã dễ dàng tiếp nhận rồi dung hợp các vị nữ thần của dân tộc Hoa và Chăm để hình thành nên tục thờ nữ thần vừa mang tính kế thừa vừa có tính đặc thù của vùng đất này.

Với niềm tin cao độ và muốn bày tỏ sự kính trọng các vị nữ thần, người Việt tại vùng Huế đã thiết lập ban thờ để thờ cúng họ ngay chính tại ngôi nhà của mình. Về danh xưng, tùy theo đối tượng mà

* Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngày nhận bài: 05/12/2022; Ngày biên tập: 23/02/2023; Duyệt đăng: 03/3/2023.

người Huế gọi các vị nữ thần là Bà, Thánh Mẫu (vì kính trọng nên người Huế ít nhắc đến danh xưng Mẫu mà thường gọi là Mẹ), Cô,... Liên quan đến việc nghiên cứu tục thờ nữ thần của vùng Huế đã có một số nhà nghiên cứu tiêu biểu, như: Huỳnh Đình Kết đã hệ thống các vị thần linh được thờ trong làng xã Thừa Thiên Huế, trong đó cũng đã đề cập đến các vị nữ thần, như: Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi, Thai Dương Phu Nhân, Kỳ Thạch Phu Nhân, Bà Giàng, Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Thánh Nương,...

Trần Đại Vinh trong *Tín ngưỡng dân gian Huế* cũng đã nhắc đến tục thờ cúng nữ thần của người Huế khi có sự tiếp nhận với nữ thần Chăm và của người Trung Hoa từ phạm vi gia đình, dòng họ cho đến quy mô làng xã. Tại hội thảo khoa học: *Cửa biển Thuận An xưa và nay* do Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức, Nguyễn Thị Tâm Hạnh đã thống kê có đến bốn vị nữ thần trong tổng số tám vị thần linh biển tại Thuận An, là Thiên Y A Na, Thai Dương Phu Nhân, Bà Hỏa và Nam Hải Tứ Vị Thánh Nương.

Nguyễn Hữu Thông và cộng sự đã dày công sưu tầm tư liệu và khảo sát khắp vùng Huế để xuất bản công trình *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Trung Việt Nam*, làm rõ nhiều vấn đề liên quan đến tục thờ Mẫu của người Việt tại vùng Huế. Nhóm tác giả cũng đã chỉ ra hệ thống thần linh của Thiên Tiên Thánh giáo được phân chia theo trật tự Tứ phủ: Thượng Thiên, Trung Thiên, Thượng Ngàn, Thoải Phủ, đứng đầu là các vị Thánh Mẫu. Onjishi Kazuhiko cũng đã chỉ ra Cửu Thiên Huyền Nữ là một vị nữ thần mang chức năng tổng hợp và là Bà Độ Mạng của cư dân Huế.

Qua khảo cứu các nguồn tư liệu cũng như các công trình nghiên cứu liên quan đến tục thờ nữ thần của người Việt tại Huế của các tác giả trên, chúng tôi nhận thấy, đa phần những nghiên cứu này mới chỉ ra bức tranh chung của tục thờ nữ thần tại vùng Huế, chứ chưa chỉ rõ những vị thần nào được thờ trong từng gia đình. Và bên cạnh các vị nữ thần đã được đề cập, chúng tôi còn nhận thấy người Huế còn thờ một số vị nữ thần, như: Cô Ba, Cô Năm, Cô Chín Thượng, Bà Chiêm, Cô Ngoại Khuôn Viên. Nhận thấy, tục thờ nữ thần của người Huế được duy trì cho đến ngày nay và ngày càng phát triển mạnh mẽ bởi

sự duy trì sự thờ cúng ngay chính trong mỗi gia đình riêng. Do đó, bài viết này sẽ chỉ rõ những vị nữ thần được người Huế thờ cúng tại gia của mình và bổ sung thêm một số vị thần mà trong các nghiên cứu trước đây chưa đề cập đến. Bằng phương pháp nghiên cứu lịch sử (trên lát cắt đồng đại và lịch đại) kết hợp với phương pháp logic và phương pháp điền dã Dân tộc học, bài viết góp phần làm rõ hệ thống nữ thần của người Việt nói chung, vùng đất Huế nói riêng trong tổng thể bức tranh về tín ngưỡng dân gian Việt Nam.

1. Nguồn gốc tục thờ nữ thần trên đất Huế

Đối với văn hóa Việt Nam, một nền văn hóa lúa nước, người phụ nữ trong đời sống làng xã luôn là người nắm “rương hòm – chìa khóa” gia đình, hay nói cách khác, họ chính là nguồn sống của từng đơn vị tế bào xã hội. Và không chỉ có thế, với những cộng đồng tồn tại bằng nền kinh tế trồng trọt, sự sinh sôi nảy nở luôn là mơ ước của mọi thành viên. Ăn no – mặc ấm đối với họ là tiền đề cũng như mục tiêu cho một cuộc sống hạnh phúc, và vì thế, hình ảnh người phụ nữ nghiêm nhiên được tôn vinh, không chỉ trong ý thức mà cả tình cảm lẫn đời sống tâm linh [Nguyễn Hữu Thông, 2001: 15]. Từ sự nhận thức đó, trong tâm thức của người Việt cổ đã thần thánh hóa người mẹ, rồi từ đó thành các Mẹ tự nhiên, như: Mẹ Đất, Mẹ Nước, Mẹ Lúa,... Do đó, việc tôn thờ các bà mẹ này không ngoài mục đích nhận được che chở và bảo trợ, đảm bảo mùa màng luôn bội thu. Lúc này, niềm tin vào thế lực siêu nhiên mà nữ thần làm đại diện chỉ mang tính ước lệ, mục đích sống của con người mới là đích hướng tới.

Với việc mưu sinh chủ yếu bằng nghề nông, cộng đồng người Việt luôn có sự gắn bó với môi trường tự nhiên một cách lâu dài và bền chặt. Hơn ai hết họ cảm nhận sự gần gũi và gắn liền sinh mệnh của mình với trời và đất. Việc phụ thuộc vào tự nhiên dẫn đến sự hình thành lối tư duy: Cha Trời - Mẹ Đất. Do trời ở trên cao, xa nên “kêu trời trời không thấu”, trái lại đất lại ở rất gần, ở ngay dưới chân người, là nơi cư trú, cho cây trái tươi tốt, tạo nguồn thức ăn duy trì sự sống cho con người. Tuy nhiên, “do trình độ nhận thức và tri thức thời đó, con người không lý giải được các hiện tượng tự nhiên, từ đó dẫn đến việc sùng bái thiên nhiên, tín ngưỡng đa thần xuất hiện, với quan niệm

vạn vật hữu linh” [Vũ Hồng Vận, 2020: 28]. Từ đó, Mẹ Đất trở thành biểu tượng là sự gửi gắm tình cảm, mong cầu nhiều nhất đối với cư dân nông nghiệp.

Cũng vì điều này mà trên hành trình Nam tiến, mà cụ thể tại vùng đất Thuận Hóa, khi người Việt luôn phải đối diện với nhiều bất trắc, khó khăn, người ít mà thú dữ nhiều, yếu tố an ninh tinh thần có ý nghĩa đặc biệt cho sự tồn tại và mở mang bờ cõi. Khi người Việt vào khai phá vùng đất mới, tục thờ nữ thần có nguồn cội từ quê cha đất tổ Bắc Bộ được các lưu dân mang đến Thuận Hóa. Tại đây, các vị nữ thần của cư dân vùng Thuận Hóa mang đậm dấu ấn văn hóa của các tộc người khác nhau khi họ cùng chung sống, hôn phối với nhau.

Đối với người Chăm, vai trò của nữ thần Po Inur Nagar đóng vai trò quan trọng. Bà dạy người Chăm biết cách trồng lúa, dệt vải, xây dựng nhà, giáo dục họ thành những người dân tốt. Bà cũng là vị thần bảo trợ, nâng đỡ cư dân Chăm trong những bước đầu trong tiến trình lập quốc của mình, mà sau này, Đoàn Quận công Nguyễn Hoàng - Chúa Tiên, khi mới vào đất Thuận Hóa cũng đã mượn hình ảnh của Bà để xây dựng chính sách an dân và đặt nền móng cho việc thiết lập chính quyền Đàng Trong. Vậy nên dù là tín đồ của bất kỳ tôn giáo nào thì Bà cũng có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần và được tôn thờ một cách độc lập, với tên gọi khác là Bà Mẹ xứ sở. Trong quá trình tiếp xúc với cộng đồng người Chăm, người Việt nhận thấy Po Inur Nagar là “vị nữ thần đã dạy dân trồng lúa, dệt vải, cứu giúp mọi người khi gặp điều khó khăn, điều hòa mưa nắng, hộ quốc – an dân; ý nghĩa cũng như thiên chức ấy, sớm gây ấn tượng và dễ đi vào lòng của những lớp người cùng tồn tại trên một loại hình nông nghiệp trồng lúa, từ lâu đã có cuộc sống định cư nhưng cũng thường gặp bất trắc, đe dọa từ phía thiên nhiên” [Nguyễn Hữu Thông, 2000: 36-37]. Chất bản địa ấy đã khiến Po Inur Nagar nghiễm nhiên được người nông dân Việt ngưỡng vọng tôn thờ theo cách riêng của mình dưới danh xưng Thiên Y A Na. Từ đó, Thiên Y A Na trở thành bà mẹ lớn, đóng vai trò trung tâm trong hệ thống thờ tự, với một tập hợp của rất nhiều thần linh có nhiều nguồn gốc khác nhau [Nguyễn Hữu Thông, 2001: 27-28]. Hay nói cách khác, người Việt nói chung, vùng Huế

nói riêng đã xây dựng hình tượng Thiên Y A Na với những truyền thuyết, tên gọi, tín ngưỡng, thần điện mang tính thuần Việt. Bên cạnh nữ thần Thiên Y A Na, Kỳ Thạch Phu Nhân, Thai Dương Phu Nhân, Lôi Chúa Phu Nhân,... đều mang dấu tích văn hóa Champa được người Huế thờ cúng.

Bởi chính bối cảnh lịch sử của Trung Quốc vào thời nhà Thanh cũng như chính sách mềm dẻo của chính quyền chúa Nguyễn và các vị vua nhà Nguyễn cho phép người Hoa sang định cư tại đây mà phần nào các nữ thần của họ dần được người Việt tiếp nhận và phụng thờ theo cách riêng của mình. Thiên Hậu Thánh Mẫu, Cửu Thiên Huyền Nữ, Ngũ Hành Nương Nương là những dấu ấn văn hóa của người Hoa vẫn còn hiện diện trong đời sống của người Huế hiện nay.

Mặt khác, Huế là vùng đất kinh đô của nhà Nguyễn, một triều đại phân biệt rạch ròi quy tắc “trọng nam khinh nữ”, không chỉ riêng nhà Nguyễn mà trong xã hội thời quân chủ, quyền lợi và địa vị của người phụ nữ luôn đứng sau người đàn ông. Do đó, để tạo dựng một quyền lực mềm của người phụ nữ trong một xã hội phụ hệ, tục thờ nữ thần ra đời như một sự cân bằng và thể hiện vị trí, quyền năng của nữ giới. Chính sự công nhận Thượng đẳng thần đối với các vị nữ thần của nhà Nguyễn mà vua Đồng Khánh nhận mình là đệ tử của Thánh Mẫu Thiên Y A Na được thờ tại điện Huệ Nam, hay các bô lão trong làng phải quỳ lạy trước ban thờ các Bà đã phần nào thể hiện một cách sâu sắc về ước vọng của một xã hội nam nữ bình quyền.

Như vậy, sự ước vọng về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc bởi sự gắn kết chặt chẽ với môi trường tự nhiên, sự giao lưu, tiếp biến văn hóa trong lịch sử và muốn xây dựng một xã hội bình đẳng về giới là những cơ sở để người Việt tại vùng Huế tiếp tục việc tôn thờ các vị nữ thần có nhiều nguồn gốc khác nhau. Đó cũng là nét chung của quá trình hình thành và phát triển tục thờ nữ thần của người Việt, nhưng ở mỗi vùng miền, tùy theo đặc điểm chính trị, kinh tế, văn hóa mà tục thờ này có sự thay đổi nhất định. Chính điều này đã tạo nên nét đặc trưng, khác biệt tục thờ nữ thần Huế so với những nơi khác trong cả nước, góp phần làm phong phú bức tranh tín ngưỡng của Việt Nam.

2. Hệ thống nữ thần thờ tại gia của người Huế

Nữ thần được thờ tại ngôi nhà của người Huế bao gồm cả thiên thần và nhân thần, tùy theo chức năng và vị thế mà được bố trí ở không gian thờ cúng khác nhau.

Thánh Mẫu Thiên Y A Na

Từ quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa Việt – Chăm, người Việt đã từng bước tiếp nhận, dung hợp và Việt hóa nữ thần Po Inur Nagar của người Chăm thành Thiên Y A Na Thánh Mẫu của mình. Về cách Việt hóa danh xưng, Ngô Văn Doanh cho rằng: thoát đầu là sự Việt hóa cái tên Chăm Yan Pô Inur Nagar thành Thiên Y A Na nửa Việt nửa Chăm (Thiên tức là Thần Trời, dịch nghĩa của Yan Pô (Poh), còn Y A Na là phiên âm của Inur Nagar [Ngô Văn Doanh, 2015: 155]. Nói về sự tiếp nhận này, Huỳnh Ngọc Trảng và Nguyễn Đại Phúc nhận xét như sau: “trong tiến trình lịch sử, vị nữ thần Chăm tiếp tục hội nhập vào hệ thống thần linh Việt ở các mức độ và nhiều cách thức khác nhau theo từng tọa độ địa lý – lịch sử, trải từ thế kỷ XIV đến thế kỷ XIX suốt từ hai châu Ô, Lý vào đến Huế, Nam Trung Bộ, Nha Trang và tận vùng đất mới khai phá ở phương Nam với những tên gọi khác nhau: Thần Y Na, Chúa Ngọc, Chúa Tiên, Thiên Y A Na, Bà Chúa Xứ” [Huỳnh Ngọc Trảng & Nguyễn Đại Phúc, 2013: 68].

Để Việt hóa vị thần của người Chăm, người Việt đã viết lại huyền thoại và truyền thuyết, gắn liền với câu chuyện được lưu truyền trong dân gian, mà sau này, Phan Thanh Giản khi đến vùng đất Nha Trang đã tập hợp các huyền thoại của Mẫu được truyền tụng trong dân gian, rồi soạn lại với tiêu đề *Thiên Y Tiên nữ truyện ký* vào năm 1856. Về sự tích Thánh Mẫu Thiên Y A Na trong tám bìa *Thiên Y Tiên nữ truyện ký* (hiện bìa được lưu giữ tại khu di tích Tháp Bà Ponagar thuộc phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa), chúng tôi tóm lược như sau: Thiên Y A Na là một tiên nữ, giáng trần trong thân phận một đứa trẻ mồ côi xinh đẹp, xuất hiện ở một vườn dưa vào một đêm trăng tại núi Đại An (huyện Diên Khánh, Nha Trang), rồi gặp gỡ và được hai ông bà già nhận làm con nuôi. Một hôm, núi bị mưa ngập lụt, cô bỗng nhớ cảnh thần tiên, cô lấy đá làm hòn giả sơn. Ông lão không biết gì mới nổi giận mà mắng cô. Đang lúc buồn bực

thì có cây trầm hương theo nước lũ trôi đến, cô bèn hóa vào thân cây trầm rồi trôi đến Trung Quốc. Cây trầm hương được Thái tử phương Bắc đem về cung và được ngài đem lòng yêu, rồi nên duyên vợ chồng và sinh được hai người con. Khi có được cuộc sống hạnh phúc rồi, cô vẫn không sao quên được quê hương, nên đã xin phép Thái tử cho về quê thăm một chuyến cùng hai người con. Khi về quê thăm lại quê thì biết cha mẹ nuôi đã mất nên cô rất buồn, rồi từ đó, cô đã dạy dân trồng lúa, nuôi tằm dệt vải, dạy cách cư xử, lễ nghi, hiếu đạo cho mọi người. Hết hạn định của Thiên đình, cô cười hạc bay về Trời và mỗi lần khi thấy dân chúng kêu than là bà hiển linh để giúp đỡ. Mãi không thấy vợ về, Thái tử đã dong thuyền về phương Nam để tìm, khi đến đây, quân lính đã tàn phá dân làng. Nổi giận, Thánh Mẫu đã nổi cơn gió lớn làm nhấn chìm thuyền của Thái tử. Từ đó, nhân dân khắp mọi nơi đã dựng đền, miếu để thờ phụng Bà, nơi Bà giáng sinh cũng được đặt tên là núi Chúa (Am Chúa) để cầu mong sự bảo trợ, che chở của Mẫu.



**Ban thờ Mẫu Thiên Y A Na tại gia đình anh H. ở phường Đức,
thành phố Huế**

Ảnh: Tác giả

Do công tích to lớn, do phẩm hạnh cao quý cũng như vị trí và vai trò lớn lao đối với sự hình thành và phát triển của quốc gia, dân tộc nên được nhân dân tôn thờ, còn nhà Nguyễn thì ban tặng nhiều sắc phong. Nhân dân đã truyền tụng nhiều sự linh ứng của Mẫu Thiên Y A Na giúp vua vượt qua sóng to gió lớn, được bình an. Bà còn cười

voi trắng dạo chơi trên đỉnh núi, có khi cưỡi cá sấu qua lại giữa núi Cù Lao và Hòn Yến, lúc lại hiện thành tám lạng bay trên không trung. Bà cũng hiển linh để bảo vệ, che chở cho dân lành, diệt thú, ban phép màu cho các vua Nguyễn khi khẩn cầu Bà. Thiên Y A Na hiển linh không chỉ ban phúc, bênh vực, phù trợ cho người có tâm đức, mà còn trấn trị những kẻ tàn ác [Nguyễn Thị Nguyệt, 2012: 70]. Như vậy, trong tâm thức của dân chúng, Thiên Y A Na là vị phúc thần mang chức năng bảo trợ, che chở, giúp nhân dân vượt qua hiểm nguy. Còn đối với triều đình nhà Nguyễn, Bà là vị nữ thần mang chức năng “hộ quốc an dân”, được xếp vào hàng Thượng đẳng thần. Tại Huế, có một ngôi đền thờ Thánh Mẫu Thiên Y A Na rất nổi tiếng mang tên điện Huệ Nam gắn liền với niềm tin của các vị vua nhà Nguyễn.

Qua khảo sát các làng xã và các điện tư gia ở Huế, hầu hết đều có ban thờ Thánh Mẫu Thiên Y A Na. Bà được người dân Huế suy tôn là vị thần chủ trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ. Trong các buổi thực hành nghi lễ lên đồng mà có thực hiện nghi thức loan ba giá Mẫu (chỉ tấu văn mà không hầu đồng) thì cung văn thường hát cung thỉnh Mẫu Đệ Nhất Thiên Y A Na, Mẫu Đệ Nhị Thượng Ngàn và Mẫu Đệ Tam Thủy Cung. Vào các dịp lễ lớn, như: Khai bàn, lễ Thu tế, vía Trùng Cửu,... thì các cung văn sau khi tấu văn Hội đồng, sẽ hát bài Mẫu Thiên Y A Na.

Thánh Mẫu Vân Hương

Vân Hương Liễu Hạnh hay còn có tên gọi khác là Liễu Hạnh Công chúa, một trong ba vị ở ngôi Tam tòa Thánh Mẫu, là vị thần chủ trong tín ngưỡng thờ Mẫu vùng đồng bằng Bắc Bộ. Bà vốn là công chúa trên thiên đình, là người con gái thứ hai của Ngọc Hoàng. Người được nhân dân tôn kính và thờ cúng từ xa xưa đến bây giờ. Cùng với Sơn Tinh, Thánh Gióng và Chử Đồng Tử, Thánh Mẫu Liễu Hạnh được tôn là Tứ Bất Tử, mang ý nghĩa trường tồn cùng nhân gian.

Lần theo các truyện kể cũng như các truyền thuyết, Thánh Mẫu Vân Hương giáng sinh ba lần (tam sinh tam hóa): Lần thứ nhất giáng sinh tại ấp Quảng Nạp, xã Vi Nhuế, huyện Đại An, phủ Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, ở nhà họ Phạm vào ngày 6 tháng 3 năm Giáp Dần (1434 năm Thiệu Bình thứ nhất, triều vua Lê Thái Tông), hóa vào

ngày 2 tháng 3 năm Quý Tỵ (1474 năm Hồng Đức thứ 4, triều vua Lê Thánh Tông); Lần thứ hai giáng sinh ở xã Vân Cát, huyện Thiên Bản (nay là Vụ Bản), tỉnh Nam Định, ở nhà họ Lê vào ngày 15 tháng 8 năm Đinh Tỵ (1557 năm Thiên Hựu thứ nhất, triều vua Lê Anh Tông) và hóa vào ngày 3 tháng 3 năm Đinh Sửu (1577 năm Gia Thái thứ 5, triều vua Lê Thế Tông); Lần thứ ba giáng sinh tại làng Tây Mỗ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa để tái hợp cùng Mai Thanh Lâm (còn gọi là Mai Sinh) là hậu kiếp của Trần Đào Lang được hơn một năm thì mãn hạn hồi tiên. Tên Bà lúc đó là Hoàng Thị Trinh. Bà kết duyên năm 18 tuổi, năm 19 tuổi bà về Trời. Vợ chồng bà có một con trai tên là Thanh Cồn. Thanh Cồn sau này được thờ tại Đèo Ngang và có danh là Cậu Bé Đồi Ngang [Vân Hương Thánh Mẫu thực lục tân biên, 1947: 38-42].

Với những truyền thuyết được truyền tụng khắp cả vùng châu thổ Bắc Bộ, sau đó được lan truyền đến vùng đất Thuận Hóa theo dòng người Nam tiến, nhưng khi đến Huế vì Thiên Y A Na Thánh Mẫu vốn đã ảnh hưởng sâu rộng trong một thời gian dài ở đây nên Thánh Mẫu Vân Hương không được người Huế phụng thờ nhiều. Chỉ riêng một số người ở các tỉnh miền Bắc vốn thờ Thánh Mẫu Vân Hương khi đến định cư ở Huế mới thờ phụng Bà như ở Cung Phổ Hóa, Cung Vân Phụng,...

Tuy nhiên, việc thờ Thánh Mẫu Vân Hương được phối thờ với Thiên Y A Na trong một ngôi điện phải nhắc đến việc bà Từ Cung, vợ vua Khải Định với chức vụ Hội chủ danh dự Hội Quý Tế điện Huế Nam đã tôn thần vị của Thánh Mẫu Vân Hương cùng Quế Hoa Công chúa và Thụy Hoa Công chúa, tạo nên sự hòa hợp với vị Thánh Mẫu ở miền Bắc [Trần Đại Vinh, 2017: 6]. Cũng bắt nguồn từ hành động này mà dần dần Thánh Mẫu Vân Hương mới được người dân Huế thờ phụng ở một số am tư gia, như: Thiên Phước Điện, Từ Bi Cảnh, Linh Sơn Điện,...

Thánh Mẫu Thượng Ngàn

Thánh Mẫu Thượng Ngàn hay còn gọi là Sơn Lâm Công chúa, Lê Mại Đại Vương, Bạch Anh Công chúa quản trưởng sơn trang triều mừng, Bà Chúa Sơn Trang, một trong ba vị Thánh Mẫu có quyền lực tối cao, cai quản vùng rừng núi, được thờ ở chính cung Hội đồng. Cũng giống như ở miền Bắc, vùng Huế cũng thờ Thánh Mẫu Thượng

Ngàn trong hình dáng một bà mẹ khoác áo phụng bào màu xanh lá cây, cưỡi trên voi trắng hoặc các linh thú ở vùng núi cao.

Có nhiều sự tích gắn với Thánh Mẫu Thượng Ngàn, nhưng phổ biến nhất là truyền thuyết Bà là con gái của Sơn Tinh và My Nương, có tên là La Bình. Ngay từ nhỏ, Bà thường đi theo cha đi khắp núi rừng và được các vị sơn thần quý mến. Sau khi cha mẹ theo lệnh về Trời, Bà được phong làm Thánh Mẫu Thượng Ngàn, cai quản 81 cửa rừng và các miền núi non. Vì thế, những nơi nào có rừng núi, người ta đều thấy sự hiện thân của Bà.

Tương truyền, Thánh Mẫu Thượng Ngàn rất linh thiêng, đã từng báo mộng giúp Lê Lợi tránh được hiểm nguy trong cuộc kháng chiến chống Minh. Chính đền thờ Bắc Lệ được dựng lên để thờ Thánh Mẫu Thượng Ngàn từ sau khi Bà linh ứng báo mộng cho Lê Lợi và Nguyễn Trãi [Ngô Đức Thịnh, 2012: 68]. Sau khi lên ngôi, vua phong bà là Lê Mại Đại Vương Diệu Tín Thiên sư.

Thánh Mẫu Thủy Cung

Thánh Mẫu Thủy Cung hay Mẫu Thoải, là vị thần cai quản vùng sông nước và tùy theo mỗi địa phương mà Mẫu Thủy Cung có những danh xưng khác nhau như: Thủy Long thần nữ, Thủy Long Thánh Mẫu, Thủy đức Thánh Phi, Thủy Long nương nương, Bà Thủy Long, cũng có khi danh hiệu của Bà được gọi bằng những danh xưng hết sức dân dã, như: Bà Lớn (Vũng Tàu), Bà Lớn Tướng (Phú Quốc), Bà Thủy Tề (Quảng Nam, Đà Nẵng),... [Trần Thị An, 2015: 24]. Trong dân gian cho đến ngày nay vẫn còn lưu truyền nhiều huyền thoại, thần tích của Ngài. Tương truyền Bà là Xích Lân Công chúa, con gái Vua Cha Thủy Quốc Động Đình, nên duyên với Kinh Xuyên vốn dòng thế phiệt chốn Thủy cung. Mẫu một lòng giữ đạo cương thường, nhưng Kinh Xuyên lại nghe lời vợ hai là Thảo Mai gieo oan cho Mẫu không giữ lòng thủy chung nên bị đẩy vào rừng sâu để cho thú dữ ăn thịt. Nhưng ở trong rừng, không những Bà không bị thú dữ ăn thịt mà được chúng yêu quý, hàng ngày mang hoa quả về dâng tiến. Một hôm, Nho sinh Liễu Nghị trên đường trở về sau kỳ thi, qua chốn rừng sâu gặp được người tiên, cảm thương nỗi niềm đã nhận lời chuyển lá thư cho Vua Cha để đến cứu thoát. Sau đó, Mẫu được giải oan, trở về chốn Long cung [Trần Quang Dũng, 2017: 27].

Diễn tích của Bà còn được đề cập trong một công trình nghiên cứu của Ngô Đức Thịnh: “Mẫu Thoải là vợ vua Thủy Tề, được Thượng đế phong là Nhữ Nương Nam Nữ Nam Hải Đại Vương, được dân làng Viêm Xá, huyện Yên Phong, Bắc Ninh thờ làm Thành hoàng làng. Lại còn có quan niệm cho rằng Mẫu Thoải là nhiều Bà, vốn là con gái Lạc Long Quân, trong đó ba người được chọn trông coi sông nước Nam, dinh chính ở sông Nguyệt Đức, đó là Thủy Tinh Động Đình Ngọc Nữ Công chúa, Hoàng Bà Đan Khiết Phu Nhân và Tam Giang Công chúa” [Ngô Đức Thịnh, 2012: 70]. Như vậy, trong dân gian xuất hiện nhiều quan niệm khác nhau về Mẫu Thủy Cung, nhưng điểm chung nhiều huyền tích gắn liền với Bà với sự hiển linh giúp nước, giúp dân. Đặc biệt ở các triều vua Trần, Lê Sơ đều ban tặng nhiều sắc phong với nhiều mỹ tự cao quý để tri ân Bà. Dưới thời vua Đồng Khánh, trong một lần ban tặng sắc phong Thánh Mẫu Thiên Y A Na và đổi tên Ngọc Trản Sơn Từ thành Huệ Nam điện vào năm 1886, Thánh Mẫu Thủy Cung cũng được phong tặng với mỹ tự: Trứ Linh Chương Ứng Mục Uyên Hoàng Bác Uông Nhuận Thủy Long Thánh Phi Trung Đẳng Thần (trong *Đại Nam thực lục* còn nhắc danh hiệu khác bằng tên Hy Hòa Thánh Mẫu Thủy Phủ tôn vị) [Quốc Sử quán triều Nguyễn, 2007: 250]. Về ý nghĩa của các mỹ tự này, Leopold Cadière trong công trình *Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt* đã giải nghĩa như sau: “Hiển hiện nhiệm màu; đáp ứng lịch lãm; nhã nhặn thâm sâu; rộng lớn bao la; trầm lắng dịu êm; Rộng nước; Thánh nữ hoàng; Thần cấp trung” [Leopold Cadière, 2020: 437-438].

Trong các điện, đền, am, cảnh ở Huế, ban thờ Mẫu Thủy được thờ ở chính cung (Nội điện) với Mẫu Thiên Y A Na và Mẫu Thượng Ngàn, tạo thành Tam tòa Thánh Mẫu. Qua khảo sát các điện thờ Mẫu của người dân Huế, Mẫu Thủy Cung mang phụng bào trắng hoặc vàng, trong tư thế ngồi hoặc cưỡi cá chép rất uy nghiêm. Cũng có nơi, Bà được thờ ở ban Thủy phủ thường đặt dưới ban thờ Trung Thiên và đối diện với ban Công đồng (Nội cung), mà người ta thường hay gọi đây là phần Ngoại điện. Hằng năm, từ ngày 21 đến 22 tháng hai âm lịch là ngày vía của Bà, đông đảo cộng đồng ngư dân và các tín đồ theo Mẫu sẽ tề tựu về đây làm lễ cúng tế, cũng có người sẽ thực hiện nghi lễ lên đồng để đón mừng ngày khánh tiết của Bà.

Ngũ Hành Nương Nương

Ngũ Hành Nương Nương hay còn gọi là Ngũ Hành tiên nương, Năm Bà Ngũ Hành, gồm: Bà Kim, Bà Mộc, Bà Thủy, Bà Hỏa, Bà Thổ, có nguồn gốc từ Trung Hoa. Tín ngưỡng này xuất phát từ việc tiếp thu học thuyết âm dương trong Kinh dịch và ngũ hành trong Kinh thư, phản ánh vũ trụ quan của người Trung Hoa cổ đại. Với năm chất liệu cấu tạo nên vạn vật (ngũ hành) là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ, được phát triển theo sự vận động, tương sinh tương khắc: Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc. Tương khắc là chống nhau, cụ thể là: Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc [Vũ Dương Ninh, 2006: 127] nhằm chứng minh sự vận hành của vạn vật là sinh ra, tồn tại và hủy diệt, rồi lại sinh ra trong thế giới tự nhiên.

Theo lý giải của nhà nghiên cứu Lê Nguyễn Lưu: “Thực chất thuyết ngũ hành của Trung Quốc là một thứ tư tưởng duy vật thô sơ, nhằm ‘tìm hiểu bản thể thế giới, bản thể các hiện tượng trong vũ trụ... cụ thể hóa và bổ sung cho thuyết âm dương thêm hoàn bị, và được dùng để giải thích nhiều vấn đề về sử học, y học, địa lý học’,...” [Lê Nguyễn Lưu, 2017: 13]. Vì lẽ đó, mà người Việt đã tiếp thu học thuyết này và ứng dụng vào nhiều lĩnh vực trong đời sống. Riêng dân gian, trong đó có phần đông dân cư xứ Huế, tôn thờ thành thần nhằm mong cầu cuộc sống luôn được thuận lợi, sinh sôi nảy nở theo quy luật tự nhiên. Với sự tiếp thu có chọn lọc và dung hòa vào những tín ngưỡng dân gian có từ trước, người Việt nói chung, người Huế nói riêng đã tín ngưỡng hóa yếu tố ngũ hành theo dạng thức Năm Bà Ngũ Hành.

Với sự tiếp thu học thuyết ngũ hành, tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế đã xây dựng riêng cho mình Năm Bà Ngũ Hành đứng đầu, cai quản cõi Trung Thiên và đóng vai trò giúp Tam tòa Thánh Mẫu và Hội đồng Tứ phủ điều hành, giám sát con người. Cũng mang chức năng này, mà các Thánh Bà đại diện cho Thánh Mẫu, Tứ phủ Hội đồng về chứng minh, chứng sớ điệp ở cõi Trung Thiên, Thượng Ngàn và Thủy Cung, còn Quan Lớn Đệ Nhị Thượng Thiên đại diện cho Hội đồng Thiên triều (Thượng Thiên) về chứng sớ Hội đồng trong các buổi lễ diễn ra nghi lễ lên đồng trong thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu của người Huế. Tùy theo sự quản lý, giám sát, điều hành ở các cõi khác nhau mà các

Bà về làm các công việc của các Thánh Mẫu và Tứ phủ giao phó. Về chức năng, các Bà Ngũ Hành còn là vị thánh độ mạng cho các thanh đồng, dẫn dắt con đồng đi theo con đường chính đạo của nhà Thánh.



Ban thờ Ngũ Hành Nương Nương tại nhà anh H. tại đường Phạm Thị Liên, thành phố Huế

Ảnh: Tác giả

Tùy theo điều kiện và sự sắp xếp của mỗi đền mà dinh thờ Năm Bà Ngũ Hành được bố trí khác nhau, có thể ở phía tay phải ban công đồng, có khi được thờ ở chính cung Hội đồng, nhưng cũng có đền thờ ở ngoài ban Trung Thiên. Ở một số đền thì thờ cả năm Bà hoặc chỉ có một Bà dưới dạng tượng thờ, ảnh thờ, bức phụng vị hoặc đơn thuần là chỉ thờ bát nhang. Qua khảo sát ở một số đền thờ Mẫu, Thánh Bà còn đóng vai trò là vị Thủ điện (vị Thánh cai quản đền thờ Mẫu), như: đền Lá Chúa Ngọc Sơn với Thánh Bà Đức Châu Ngoại Mộc Tinh Chúa Lá, Diệu Linh Phước Điện với Thánh Bà Đệ Tứ Thủy Cung.

Cửu Thiên Huyền Nữ (thờ trang Bà)

Dân gian Thừa Thiên Huế quan niệm rằng, nữ giới có một vị nữ thần bảo hộ riêng, đó là Tây Cung Vương Mẫu Bồn Mạng Thánh Đức Tiên Bà, hay còn gọi Đoàn Cung Thánh Mẫu, Cửu Thiên Huyền Nữ chỉ thần. Bà là một vị thần tôn kính của Đạo giáo thuộc hàng nữ tiên. Về cụm từ “Cửu Thiên” có nhiều cách hiểu, nhưng phổ biến trong dân gian là chỉ chín cõi Trời: Quân Thiên, Thượng Thiên, Biến Thiên, Huyền Thiên, U Thiên, Hiệu Thiên, Chu Thiên, Viêm Thiên và Dương Thiên. Cách lý giải này cũng đã chỉ ra phạm vi quản lý to lớn, bao trùm của vị nữ thần này.

Theo nhiều nghiên cứu, Cửu Thiên Huyền Nữ là vị thần mang chức năng tổng hợp là vị tổ sư bách nghệ, chủ tổ sư nghề mộc, riêng tại Thanh Bình Từ Đường¹ là nhà thờ tổ sư ngành nghề thuật hát tuồng cũng có ban thờ Bà [Huỳnh Đình Kết, 1998: 38]. Gustave Dumoutier lại ghi rằng: “Cửu Thiên Huyền Nữ hoặc nữ thần đen tối trên các tầng Trời. Đó là sự tồn tại cao quý nhất ở chín tầng Trời của Đạo giáo, một vị thần linh nắm giữ toàn bộ kỹ thuật quân sự, sách vở quân sự và luôn cổ vũ những việc thực hành của thầy phù thủy có mục đích quân sự. Cửu Thiên Huyền Nữ định ra: 30 Tết, vẽ hình cung tên trên sân trong gia đình để trừ tà ma” [Dumoutier Gustave, 1907: 56]. Còn Huỳnh Ngọc Trảng và Nguyễn Đại Phúc cho rằng: Cửu Thiên Huyền Nữ là tổ sư “ngành xây dựng nói chung và các ngành nghề thủ công: dệt may, đục chạm, điêu khắc” [Huỳnh Ngọc Trảng & Nguyễn Đại Phúc, 2013: 78]. Như vậy, Cửu Thiên Huyền Nữ ngoài chức năng Thần Độ mạng, Bà còn được coi là tổ sư của nhiều ngành nghề, như: nghề mộc, ngành xây dựng, nghề thủ công và nắm giữ kỹ thuật quân sự, trừ tà,...

Con gái đến tuổi trưởng thành hoặc sau khi kết hôn đều phải thiết lập ban thờ Bà, được gọi là trang Bà, được đặt ở vị trí cao ở gian tả trong nhà, theo hướng Tây. Nếu phát nguyện thờ, phải căn cứ theo tuổi 12 con giáp, được chia thành 60 tuổi khác nhau (Lục thập hoa giáp) để chọn ảnh thờ cho thích hợp. Ảnh thờ Đoàn Cung Thánh Mẫu được thể hiện bằng những hình dáng khác nhau, ngự trên rồng, phượng, voi, cá chép, hoa sen, và số thị nữ đứng châu là 2, 4, 6, 8, 10 hay 12 người. Sau đó chọn ngày tốt để an vị [Trần Đại Vinh, 1995: 86]. Nếu xét chức năng Bà Độ mạng thì Cửu Thiên Huyền Nữ là vị thần có rất nhiều biến thể khác nhau, vì theo quan niệm dân gian Huế, mỗi tuổi sẽ được quy định Bà để thờ phụng. Điển hình như tuổi Giáp Tý sẽ thờ Bà Vân Trung Từ Bi Lợi Minh Công chúa (voi, 12 cô châu), tuổi Đinh Mão thờ Bà Nữ Hoàng Từ Uyển Quế Hoa Công chúa (long, ngai, 6 cô châu), Mậu Thìn thờ Bà Văn Đán Long nữ Liễu Hoa Công chúa (Phượng, 8 cô châu),....

¹ Thanh Bình Từ Đường do các nghệ nhân tuồng xây dựng vào năm Minh Mạng thứ 5 (1825) để làm nơi thờ cúng các vị tiên hiền của ngành tuồng cổ, vừa là nơi tập hợp những quan viên của Thanh Bình Thự (Sảnh Công Thanh Bình - đội Nhã nhạc triều Nguyễn).

Ban thờ Bà cũng khá đơn giản, bao gồm ảnh Bà, bát hương, ly nước trong, ly rượu, ly trà, đĩa đựng trái cây, bình hoa, gương, lược, nước hoa và cặp hoa giấy ở làng Thanh Tiên đủ màu sắc. Tất cả được sắp đặt trên một tấm gỗ, được gọi bằng trang, cũng vì thế mà tục thờ này có tên là trang Bà. Vào đêm mùng 8 rạng sáng ngày mùng 9 tháng Giêng Âm lịch hằng năm, người phụ nữ Huế sẽ cúng Bà. Lễ vật bao gồm một bộ quần áo Bà bằng vàng mã, con gà hay miếng thịt heo luộc, hương, đèn, hoa, quả, cau, trà, rượu và đôi đĩa hoa nhuộm xanh, đỏ, vàng cắm lên bát xôi. Ngoài ra, cứ 3 năm hay 5 năm, người phụ nữ còn dâng lễ Thành (hay còn gọi lễ cầu an). Việc thờ Bà chấm dứt sau tuổi 60, với thủ tục dâng cúng làm lễ ra lão, xong đưa trang thờ cùng di ảnh Bà, đồ thờ ra một nơi thanh tĩnh như nền am miếu, gốc cây lớn.



Ban thờ và ảnh Bà Cửu Thiên Huyền Nữ trong gia đình người Huế

Ảnh: Tác giả

Bà Táo

Bà Táo là một trong ba vị thần chuyên cai quản bếp núc, được thờ ở vị trí nhà bếp. Táo quân có nguồn gốc từ ba vị thần là Thổ Công, Thổ Địa, Thổ Kỳ của Đạo giáo Trung Quốc nhưng được Việt hóa thành huyền tích “Hai ông một bà”.

Cũng giống như trang Bà, ban thờ Táo Quân cũng được bày biện như vậy, chỉ khác nơi thờ tự. Tượng ông Táo bà Táo làm bằng đất nung ở làng Địa Linh, thuộc phố cổ Bảo Vinh, mặc dù tượng có những thay đổi về màu sắc nhưng vẫn mang đậm giá trị của văn hóa dân gian. Vào đúng ngày 23 tháng Chạp, người dân sẽ làm lễ tiễn tượng cũ trên bàn thờ Táo Quân, thường mang đến đặt ở gốc cây cổ thụ hay các miếu đầu làng, đầu xóm, và thay tượng mới trên bàn thờ. Lễ vật cũng chỉ có hoa, quả, cau, trầu, rượu, miếng thịt heo luộc, đĩa xôi và ba bộ áo vàng mã. Tùy theo điều kiện của mỗi gia đình, mà mâm lễ cúng có sự khác nhau, như: các đồ thức ăn cơm, canh, thịt, cá, bánh trưng, cá chép (cá thật hoặc cá bằng vàng mã).



Tượng Táo Quân được thờ trong một gia đình của người Huế

Ảnh: Tác giả

Cô Ba, Cô Năm

Trong hệ thống thần linh của tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ ở Huế, Cô Ba và Cô Năm là hai vị nữ thần thuộc hàng Thánh Cô, được tín đồ theo Mẫu lập ban thờ nhiều nhất so với các Tiên Cô khác cả về đền miếu lẫn thảo am nhỏ tại tư gia. Theo quan niệm của tín ngưỡng thờ Mẫu vùng Huế, mỗi thanh đồng sẽ có các vị độ mạng, độ căn, nếu là nữ là sẽ là Cậu, nam sẽ là Cô. Cũng vì thế mà các nam thanh đồng luôn lập ban thờ các Cô để cầu mong sự bình an, lộc tài, công danh, sự

ngiệp. Mặc dù, Tứ phủ Thánh Cô có đến 48 vị nhưng qua khảo sát nhiều đền am tư gia tại vùng Huế, chúng tôi nhận thấy Cô Ba Ngoại Cảnh và Cô Năm Khâm Sai là hai vị nữ thần được phụng thờ nhiều, có khi họ là thủ đền (người chủ, trông coi đền). Tùy theo điều kiện và sự độ mạng của mỗi vị thần, mà họ thờ Cô Ba hoặc Cô Năm, cũng có nơi thờ cả hai Cô.

Nói về quyền uy của Cô Ba Ngoại, cung văn Huế ngợi ca rằng:

“Dầu hiển hách, thiên nhiên còn tạc,
Tiếng thom đầy, hải giác sơn giai.
Đã nên một đấng nữ tài,
Cùng trang tuần tú, ai ai cũng nhường.
Chữ rằng vạn thọ vô cương,
Nhờ Cô Ba Ngoại, an khương suốt đời”.
(Văn Cô Ba Ngoại Cảnh)

Còn Cô Năm Khâm Sai:

“Cứu người lầm lỗi lời phê.
Sinh ra đau ốm, mỗi mê trong mình,
Cứu người mắc phải tà tinh.
Đêm nằm mộng kiến, thấy rồi lại không,
Giúp người nên vợ nên chồng.
Giúp người thơ ấu, thoát vòng gian nan,
Giúp người phú quý, thọ sang muôn đời.
Xin Cô ban lộc ban tài”.
(Văn Cô Năm Khâm Sai)

Ban thờ Cô Ba, Cô Năm thường được bố trí trong những miếu nhỏ (am) ở một góc trước sân nhà hoặc đền Tứ phủ thì ở bên hữu ban Công đồng. Vào ngày rằm, mừng một hoặc những ngày tổ chức cúng tế, trình diễn nghi lễ lên đồng, người Huế sẽ dâng hoa quả, bánh, nước, cùng những bộ đồ mã có nón lá, áo dài, đôi guốc.



Am thờ Cô Ba Ngoại (bên trái) và ban thờ Cô Ba, Cô Năm (bên phải)

Ảnh: Tác giả

Cô Chín Thượng

Cô Chín Thượng thuộc hàng Tứ phủ Thánh Cô như Cô Ba, Cô Năm nhưng ngự trị ở cõi Thượng Ngàn. Theo lời văn của các cung văn Huế, Cô là vị nữ thần có khả năng trừ tà, chữa bệnh trên trần gian:

“Có người bệnh quỷ bệnh ma,
Cầu Cô trừ khử, bệnh tà cũng tan.
Có phen lại, thần thông ngũ trí,
Cô ngự đồng, cứu độ thế gian.
Có phen Cô trở lên rừng,
Tìm cây hái lá, cứu trần lấy danh”.



Ảnh thờ Cô Chín Thượng Ngàn

Ảnh: Tác giả

Vì quyền năng này, những người có căn của Cô Chín Thượng sẽ phải thờ Cô trong đền Tứ phủ hoặc một cái am ở góc sân trước nhà. Vào ngày Tết Trùng Cửu (mùng 9 tháng 9 Âm lịch), cũng là ngày vía của Cô, người Huế sẽ dâng cúng hoa, quả, các đồ nướng như cá nướng, mực nướng, tôm nướng, thịt vịt quay, vịt heo quay và xôi đậu đen.

Bà Chiêm Thành

Với đạo lý “uống nước nhớ nguồn” và tư tưởng hàm ơn đối với những người có công khai phá vùng đất Chăm, những lớp người Việt đến định cư tại vùng đất Thuận Hóa luôn biết tri ân và phụng thờ họ. Bởi vì không biết ai là những người đã từng sống và khai phá những vùng đất này, nên người Huế khi tôn thờ họ chỉ gọi bằng một danh xưng là thần Chiêm, nếu là nam là Ông Chiêm, còn phụ nữ là Bà Chiêm. Cũng bởi nhận thức này mà hằng năm vào dịp tháng hai và tháng tám Âm lịch, khắp mọi nhà tại Huế đều tổ chức lễ cúng đất như một phương thức để bày tỏ sự biết ơn đối với những cư dân Chăm.

Ban thờ Ông hoặc Bà Chiêm Thành được lập trong một cái am, có bài vị hoặc di ảnh, bát hương, ly nước, bông, quả, ngựa đen được xem là vật cưỡi của các Ông Chiêm. Vào những ngày rằm, mùng một hoặc cuối năm, người dân Huế sẽ dâng các món thức ăn mà lúc trước người Chăm hay sử dụng như món rau lang luộc chấm mắm ruốc, bánh ít đen, bánh nỏ, hạt nỏ ngũ sắc, bắp nướng, khoai nướng, thuốc vắn. Bộ áo bằng vàng mã màu đen là vật lễ không thể thiếu để dâng cúng các vị Chiêm Thành, kèm theo những đồ vật mà họ hay dùng như thanh chọt, liềm, mác,...



Am thờ Bà Chiêm Thành và Mụ Chín của gia đình anh H. ở đường Chi Lăng, thành phố Huế (Ảnh: Tác giả)

Cô Ngoại Khuôn Viên

Cũng giống như Bà Chiêm Thành, Cô Ngoại Khuôn Viên là những vị thần cai quản đất đai mà mỗi gia đình Huế đều thờ phụng ở góc sân vườn, tuy nhiên họ là người Việt từng định cư ở đây. Cô Ngoại Khuôn Viên cũng không xác định được nguồn gốc, xuất thân, quê quán ở đâu mà vì lòng biết ơn mà người Huế tôn thờ rồi gọi bằng một tên chỉ mang tính “phiếm xưng”. Rõ ràng đây là những vị nhân thần có công khai phá đất đai, mà được những lớp người Việt đi sau kế thừa và tiếp tục xây dựng cuộc sống bình yên để “an cư lạc nghiệp”. Việc thờ phụng Cô Ngoại Khuôn Viên không ngoài mục đích cầu mong sự chấp thuận cho họ được ở yên, được có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Thường người Huế hay thờ Cô Ngoại Khuôn Viên cùng Cậu Ngoại Khuôn Viên, đặt cạnh am thờ các vị Chiêm Thành, nhưng ở vị trí thấp hơn. Lễ vật dâng cúng cũng chỉ là gương lược, chậu hoa, hoa quả, bộ áo dài nón lá màu trắng bằng đồ mã.

Kết luận

Trong dòng chảy văn hóa Huế, tục thờ nữ thần là một trong nét đặc trưng, một hiện tượng phổ biến diễn ra từ tư gia cho đến làng xã. Không có nơi nào là không có bóng dáng các đền, miếu, am, ban thờ trong nhà của vùng Huế. Với một niềm tin mạnh mẽ về các vị nữ thần, người Huế thờ cả nhân thần và thiên thần, từ ngoài sân nhà, cho đến dưới nhà bếp.

Nữ thần được thờ tại gia của người Huế có nguồn gốc của các nền văn hóa khác nhau như: văn hóa Trung Hoa, văn hóa Chăm, văn hóa xứ Bắc. Từ quy mô đền Tứ phủ rộng lớn cho đến thờ phụng chỉ trên một tấm ván gỗ, tất cả đã thể hiện một dấu ấn văn hóa rõ nét chỉ riêng có ở Huế. Như vậy, tục thờ nữ thần của người Huế vừa có nét chung, vừa mang nét riêng và chính điều này góp phần tạo nên sự đa dạng trong thống nhất của văn hóa Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị An (2015), “Bản sắc Nam Bộ qua tục thờ nữ thần – nghiên cứu trường hợp tục thờ Bà Thủy”, *Nghiên cứu khoa học*, số 8, tr. 23-32.
2. Leopold Cadière (2020), *Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
3. Ngô Văn Doanh (2015), *Tháp bà Thiên Y A Na – hành trình của một nữ thần*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Trần Quang Dũng (2017), *Tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ chốn thiêng nơi cõi thực*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
5. Dumoutier Gustave (1907), *Les cultes annamites*, F.-H. Schneider, Imprimer-eùditeur, Hanoi.
6. Nguyễn Thị Tâm Hạnh (2022), “Thần linh biển ở làng Thai Dương Hạ (phường Thuận An – thành phố Huế”, in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Cửa biển Thuận An xưa và nay*, Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế, Huế, tr. 208-218.
7. Onjishi Kazuhiko (2011), “Bàn về tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ ở vùng Huế”, *Nghiên cứu và Phát triển*, số 2, tr. 16-36.
8. Huỳnh Đình Kết (1998), *Tục thờ thần ở Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
9. Lê Nguyễn Lưu (2017). “Đôi nét về tín ngưỡng thần linh ở làng xã Thừa Thiên Huế”, *Nghiên cứu và Phát triển*, số 7, tr. 5-30.
10. Nguyễn Thị Nguyệt (2012), “Hình tượng Thiên Y A Na Thánh Mẫu trong truyện kể dân gian”, *Nghiên cứu Văn học*, số 10, tr. 67-76.
11. Vũ Dương Ninh (2006), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
12. Nguyễn Hữu Phúc (2015), *Văn bản châu văn Huế*, bản chép tay được sưu tầm từ các cung văn Huế.
13. Quốc Sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 9, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
14. Nguyễn Hữu Thông (2000), “Những đặc trưng của tín ngưỡng thờ Mẫu và chư vị ở Huế”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, tr. 36-43.
15. Nguyễn Hữu Thông (chủ biên, 2001), *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Trung Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
16. Ngô Đức Thịnh (2012), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
17. Huỳnh Ngọc Trảng & Nguyễn Đại Phúc (2013), *Đặc khảo về tín ngưỡng thờ gia thần*, Nxb. Văn hóa Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
18. *Văn Hương Thánh Mẫu thực lục tân biên*, in năm 1947 tại Imprimerie de HaNoi.
19. Vũ Hồng Vân (2020), *Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
20. Trần Đại Vinh (1995), *Tín ngưỡng dân gian Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
21. Trần Đại Vinh (2017), “Tín ngưỡng thờ Mẫu và chư vị ở Thừa Thiên Huế”, *Nghiên cứu và Phát triển*, số 1, tr. 3-14.

Abstract

**GODDESS WORSHIP OF THE VIETNAMESE FAMILIES IN
THUA THIEN HUE**

Nguyen Huu Phuc

Thua Thien Hue Association of Historical Sciences

With the mindset of fertility to value the importance of birth, nurturing and sexuality, the Vietnamese have recognized women as the source of reproduction, the maintenance of the species, and the role of the “inner” of the family. As a result of the Southern migration and the coexistence and cultural exchange among ethnic groups as well as being suitable to the living conditions in Hue, the worshipping of goddesses thrived with the cultural imprint of ethnic groups there. In villages, pagodas, temples, and even families, the altar to worship the goddesses have occupied an important position in the faith of the Hue people. Based on surveyed data, the author found that the worship contains many values and has its own characteristics of the Hue region.

Keywords: Goddess; home; beliefs; Thua Thien Hue.